

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 20- 6- 2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Thuận, bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 về đòi tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-DS ngày 25/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hợp tác xã N

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn Q – Chức danh: Giám đốc HTX
Kiêm chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: Thôn Ngọc Trạo, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, Thanh Hoá.

- Bị đơn: Anh Bùi Minh G, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Thôn N, xã Ng, huyện T, Thanh Hoá.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Thị H

2. Chị Quách Thị T

Địa chỉ: Thôn N, xã Ng, huyện T, Thanh Hoá.

Tại phiên tòa có mặt ông Lê Văn Q; Vắng mặt anh Bùi Minh G, bà Bùi Thị H và chị Quách Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H trú tại thôn Ngọc Long, xã Ngọc Trạo, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa trong thời gian làm mía đường gia đình có nợ tiền đầu tư phân bón vụ ép 2017/2018 của Hợp tác xã N 800kg phân bón thành tiền là 4.377.000đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Vụ ép năm 2017/2018 không tính lãi theo cơ chế của nhà máy đường Việt Đài, kết thúc vụ ép gia đình anh G còn nợ HTX số tiền 4.377.000đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng). Từ ngày 01/6/2018 (Vụ ép 2017/2018 kết thúc) đến ngày 30/6/2020 Hợp tác xã N tính lãi 1%/tháng. Tính đến ngày tính đến ngày 30/6/2020 gia đình anh G còn nợ HTX số tiền cả gốc và lãi là 4.640.528đ (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi nghìn năm trăm hai mươi tám đồng). Tại biên bản làm việc về việc chốt và thu hồi công nợ ngày 19/11/2020, đại diện gia đình anh Bùi Minh G đã ký chốt công nợ đến ngày 30/6/2020 với HTX số tiền gốc là 4.377.000đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và không đồng ý với số tiền lãi. Anh G hẹn tháng 6/2021 trả số tiền nợ gốc trên, Đến nay đã quá hạn mà anh G không trả số nợ trên. Hợp tác xã N yêu cầu gia đình anh G phải trả số tiền nợ đầu tư là 4.377.000 đồng và yêu cầu tính lãi 0,833% / tháng từ ngày tiếp theo của ngày hết hạn trả nợ là ngày 01/7/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh G, bà H, chị T để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Hợp tác xã N (Sau đây viết tắt là HTX N) khởi kiện yêu cầu anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H trả cho Hợp tác xã số tiền nợ đầu tư phân bón. Theo khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) đây là tranh chấp về giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Các đương sự là anh G, chị T và bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Ng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công

khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các đương sự theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS. Anh G, chị T và bà H cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ tranh chấp và áp dụng pháp luật: Gia đình anh G nợ tiền đầu tư phân bón của Hợp tác xã N. Đến ngày 30/6/2020 hai bên đã có văn bản chốt nợ và cam kết ngày trả. Do đó xác định giao dịch dân sự giữa Hợp tác xã N với anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H được thực hiện là quan hệ “tranh chấp hợp đồng dân sự”. Đáp ứng đủ điều kiện của giao dịch theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu trả tiền gốc của HTX N, HĐXX thấy: Gia đình anh Bùi Minh G gồm anh G, chị Quách Thị T (là vợ anh G) và bà Bùi Thị H (là mẹ anh G) có nợ tiền đầu tư trồng mía của HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp tổng hợp Ngọc Tiến số tiền 4.377.000đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng), Mục đích nợ tiền là đầu tư trồng mía phát triển kinh tế gia đình. Đến nay gia đình anh G chưa trả. Vì vậy, yêu cầu của HTX N có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Tuy văn bản chốt nợ giữa hai bên không thỏa thuận về lãi suất, chỉ cam kết về thời hạn trả nợ. Tuy nhiên khi đến hạn trả nợ là hết tháng 6/2021 gia đình anh G không trả nợ theo thỏa thuận. HTX N yêu cầu anh G, bà H và chị T phải trả tiền lãi trên dư nợ gốc quá hạn tính từ ngày 01/7/2021 với mức lãi suất 0,833 %/tháng. Yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của HTX N phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên yêu cầu này được chấp nhận toàn bộ. Lãi suất phát sinh từ ngày 01/7/2021 đến ngày xét xử ngày 20/6/2022 là 11 tháng 19 ngày, số tiền lãi sẽ là: $4.377.000đ \times 0,833\% \times 11 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 424.000 \text{ đồng}$

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N được chấp nhận nên anh G, chị T, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N.

Buộc anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H phải trả cho Hợp tác xã N số tiền gốc và lãi 4.801.000đ (Bốn triệu tám trăm linh một nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 4.377.000đ (Bốn triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) và số tiền lãi là 424.000 đồng (Bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 0,833 %/ 1 tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hợp tác xã N được hoàn trả lại số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2021/0007514 ngày 15/12/2021.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện Hợp tác xã N. Vắng mặt anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Minh G, chị Quách Thị T và bà Bùi Thị H có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đặng Văn Thuận

Nguyễn Ngọc Phương

Bùi Văn Tuấn